TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 – VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **130**/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 30 – 9 - 2025
Về việc: "*Ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – VĨNH LONG, TỈNH VĨNH LONG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Phương
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Phạm Thị Lợi
2. Bà Phạm Thị Thu Trang

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Lê Thị Kim Tuyết là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 – Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

Ngày 30 tháng 9 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 – Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 214/2025/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2025 về tranh chấp: "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 91/2025/QĐXXST–HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 56/2025/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: **Nguyễn Thị N**, sinh ngày: 25/12/1986 (Vắng mặt)
Căn cước công dân số 083186010366, cấp ngày 10/8/2021.
Nơi cư trú: Ấp G, xã P, huyện B, tỉnh T (Nay là ấp G, xã T, tỉnh V).
- *Bị đơn:* **Dương Đức A**, sinh ngày: 05/4/1988 (Vắng mặt)
Căn cước công dân số 083088017094, cấp ngày 10/8/2021.
Địa chỉ: Ấp G, xã P, huyện B, tỉnh T (Nay là ấp G, xã T, tỉnh V).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn xin ly hôn đề ngày 21/4/2025, bản tự khai đề ngày 28/7/2025, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:

Chị và anh Dương Đức A kết hôn năm 2022, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện B, tỉnh T (Nay là xã T, tỉnh V). Thời gian đầu chung sống hạnh phúc đến tháng 01 năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cải vã và vợ chồng ly thân đến nay không có hàn gắn tình cảm. Quá trình chung sống, chị và anh A không có con chung. Tài sản chung, nợ chung: Không có.

Chị Nguyễn Thị N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Được ly hôn với anh Dương Đức A.
- Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Nguyễn Thị N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đề ngày 18/8/2025.

* Bị đơn anh Dương Đức A các lần Tòa án triệu tập hòa giải, xét xử đến lần thứ hai đều vắng mặt nên không có lời khai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đề ngày 18/8/2025. Bị đơn anh Dương Đức A đã được Tòa án nhân dân khu vực 8 – Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, được Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, được triệu tập hợp lệ đến Tòa án để hòa giải, xét xử đến lần thứ 2 nhưng anh Dương Đức A đều vắng mặt. Anh Dương Đức A hiện nay vẫn đang sinh sống tại địa phương (Theo đơn xin xác nhận của Công an xã P ngày 18/4/2025). Căn cứ khoản 1, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị N, anh A là phù hợp, đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung vụ án:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị N và anh Dương Đức A kết hôn năm 2022, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Btỉnh T (Nay là xã T, tỉnh V). Thời gian đầu chung sống hạnh phúc đến tháng 01 năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo chị N trình bày là vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cải vã và vợ chồng ly thân đến nay không có hàn gắn tình cảm. Chị N vẫn giữ yêu cầu được ly hôn với anh A. Anh A không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu ly hôn của chị N. Điều đó chứng tỏ hôn nhân giữa chị N và anh A đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Xét thấy, yêu cầu ly hôn của chị N đối với anh A là có căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về con chung, tài sản chung, nợ chung:

Chị Nguyễn Thị N khai không có nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[3] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 233, 238, 254; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của chị Nguyễn Thị N.

2. Chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Dương Đức A.

3. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị N khai không có nên Hội đồng xét xử không xét đến.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0011296 ngày 26 tháng 5 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre (Nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 8 – Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long), chị N đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên Tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long (Phòng KTNV&THA);
- VKSND khu vực 8 – Vĩnh Long;
- Phòng THADS khu vực 8 – Vĩnh Long;
- UBND xã T, tỉnh V (Số 43/2022, ngày 21/9/2022);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Hồng Phương